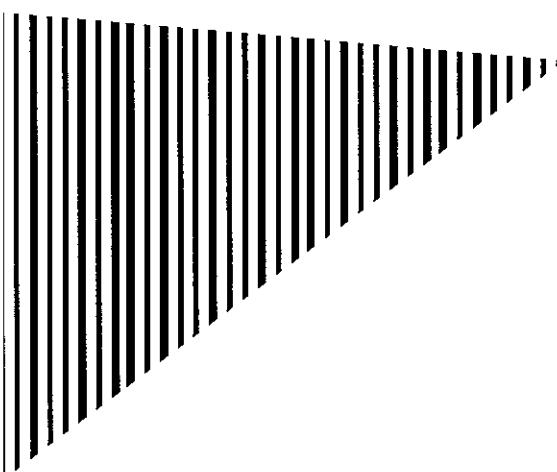


## **Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
và  
Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**ERNST & YOUNG**



## **Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
và  
Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 42



Ernst & Young Vietnam Limited  
14<sup>th</sup> Floor, Daeha Business Center  
360 Kim Ma Street, Ba Dinh District  
Hanoi, S.R. of Vietnam  
Tel : +84 4 3831 5100  
Fax: +84 4 3831 5090  
[www.ey.com/vn](http://www.ey.com/vn)

Số tham chiếu: 60859103 / 14481888

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") và công ty con ("Công ty và công ty con"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo ("các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán này đề ngày 31 tháng 3 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đó và đưa ra một đoạn lưu ý về việc xác định thời gian sử dụng hữu ích các tài sản là khu vực nhà xưởng và văn phòng tại đường An Đà, thành phố Hải Phòng của Công ty sẽ phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức phải di dời khu nhà máy này.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.



### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Ernst & Young Vietnam Ltd.

Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0637/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0754/KTV

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày cấp</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 06 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 02 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 05 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình Kỹ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

### CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam, một công ty con của Công ty, đề ngày 17 tháng 7 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của công ty con này đã thông qua việc tăng vốn cổ phần với tổng giá trị là 35 tỷ đồng Việt Nam thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1:0.35 cho các cổ đông hiện hữu.

Căn cứ theo nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thống nhất việc không tham gia góp vốn để tăng vốn điều lệ của công ty con này theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông sáng lập khác của công ty con này đã góp bổ sung một phần giá trị vốn cam kết với tổng số tiền là 6 tỷ đồng Việt Nam. Tuy nhiên, do các thủ tục đăng ký tăng vốn bổ sung của công ty con này chưa được hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty trong công ty con này không thay đổi so với tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 51%. Công ty vẫn tiếp tục nắm giữ quyền kiểm soát trong công ty con này.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Ngô Viết Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Viện	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Kế toán trưởng

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

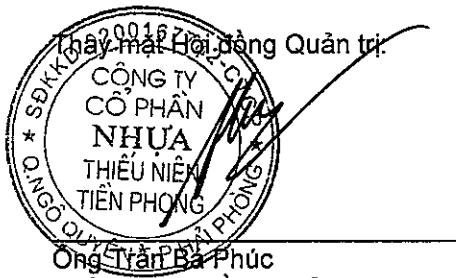
Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty và công ty con đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ông Trần Bá Phúc  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>995.486.619.666</b>	<b>706.039.592.187</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	<b>68.490.447.599</b>	<b>15.437.543.728</b>
111	1. Tiền		28.490.447.599	15.437.543.728
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		<b>433.647.187.047</b>	<b>418.316.425.467</b>
131	1. Phải thu khách hàng		299.920.144.129	272.204.345.593
132	2. Trả trước cho người bán		51.799.602.955	82.792.718.152
133	3. Phải thu từ các bên liên quan	28	82.991.932.052	62.324.880.810
135	4. Các khoản phải thu khác	5	11.146.581.221	4.234.934.050
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.211.073.310)	(3.240.453.138)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	6	<b>478.321.634.476</b>	<b>260.146.006.408</b>
141	1. Hàng tồn kho		479.141.471.956	274.094.583.341
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(819.837.480)	(13.948.576.933)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<b>15.027.350.544</b>	<b>12.139.616.584</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.066.312.891	708.136.649
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.824.485.657	2.152.809.909
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	4.230.394	672.027.291
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	6.132.321.602	8.606.642.735
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>406.510.619.088</b>	<b>293.814.821.336</b>
220	<i>I. Tài sản cố định</i>		<b>356.654.959.380</b>	<b>254.440.099.836</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	212.141.945.262	138.699.831.405
222	Nguyên giá		434.617.577.488	323.784.360.151
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(222.475.632.226)	(185.084.528.746)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	16.885.129.447	17.285.325.314
228	Nguyên giá		17.701.986.160	17.686.786.160
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(816.856.713)	(401.460.846)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản đang	11	127.627.884.671	98.454.943.117
250	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	12	<b>22.956.133.267</b>	<b>27.974.637.064</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		21.356.133.267	21.874.637.064
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1.600.000.000	6.100.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>		<b>26.899.526.441</b>	<b>11.400.084.436</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.613.087.963	11.400.084.436
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	10.286.438.478	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.401.997.238.754</b>	<b>999.854.413.523</b>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>576.741.497.198</b>	<b>410.485.500.808</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>560.103.108.254</b>	<b>401.377.375.054</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	340.571.623.931	244.531.746.173
312	2. Phải trả người bán		98.591.495.579	65.348.862.177
313	3. Người mua trả tiền trước		5.544.852.970	578.291.166
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	37.501.112.234	17.122.997.281
315	5. Phải trả người lao động		17.590.629.377	19.548.903.042
316	6. Chi phí phải trả	16	38.751.232.050	42.226.804.622
317	7. Phải trả các bên liên quan	28	6.237.970.975	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	12.565.993.590	10.338.383.100
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	2.748.197.548	1.681.387.493
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>16.638.388.944</b>	<b>9.108.125.754</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		209.500.000	80.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	6.432.820.144	8.432.062.234
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		9.996.068.800	596.063.520
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>780.699.145.444</b>	<b>542.229.635.453</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>780.699.145.444</b>	<b>542.229.635.453</b>
411	1. Vốn cổ phần	20.1	216.689.980.000	216.689.980.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.3	-	(777.262.330)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	175.139.331.251	83.954.434.599
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	20.6	24.608.144.516	9.410.661.741
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.6	364.261.689.677	232.951.821.443
439	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	21	<b>44.556.596.112</b>	<b>47.139.277.262</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.401.997.238.754</b>	<b>999.854.413.523</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	2.264.127.846	3.470.263.980
2. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$)	42.655	119.022

Reeeeeed

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên

Ngày 25 tháng 03 năm 2011



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	2.008.528.085.987	1.549.425.845.418
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(6.713.193.878)	(2.525.910.294)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	22.1	2.001.814.892.109	1.546.899.935.124
11	4. Giá vốn hàng bán	23	(1.325.419.849.942)	(989.556.799.272)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		676.395.042.167	557.343.135.852
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	4.042.629.206	8.407.907.296
22	7. Chi phí tài chính	24	(33.951.890.417)	(25.866.773.812)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(21.774.765.183)	(13.708.429.895)
24	8. Chi phí bán hàng		(195.807.473.061)	(145.660.811.456)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(86.935.318.325)	(45.838.241.858)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		363.742.989.570	348.385.216.022
31	11. Thu nhập khác	25	1.357.073.555	1.110.151.894
32	12. Chi phí khác	25	(1.517.517.814)	(1.302.095.355)
40	13. Lỗ khác	25	(160.444.259)	(191.943.461)
45	14. Phần (lỗ)/lãi từ công ty liên doanh, liên kết		(118.683.797)	3.139.925.064
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		363.463.861.514	351.333.197.625
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(63.890.880.193)	(45.670.269.361)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	10.286.438.478	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		309.859.419.799	305.662.928.264
61	Trong đó:			
62	18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số	21	(2.582.681.150)	(930.543.522)
	18.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		312.442.100.949	306.593.471.786
70	19. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	29		7.074

Keleeeek

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên

Ngày 25 tháng 03 năm 2011



Tổng Giám đốc  
Phạm Văn Viện

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>363.463.861.514</b>	<b>351.333.197.625</b>
02	Điều chỉnh cho các khoản:		38.491.143.029	33.802.763.994
03	Khấu hao và khấu trừ		5.241.885.999	13.229.029.082
04	Các khoản dự phòng		22.2,	
05	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	24	4.424.017.758	(1.905.483.241)
06	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		192.987.967	(3.010.886.495)
07	Chi phí lãi vay	24	21.774.765.183	13.708.429.895
08	Thu nhập lãi tiền gửi	22.2	(2.088.360.575)	(2.241.755.628)
09	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>431.500.300.875</b>	<b>404.915.295.232</b>
10	(Tăng) các khoản phải thu		(28.931.119.470)	(188.485.250.520)
11	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(205.046.888.615)	14.152.362.759
12	Tăng các khoản phải trả		44.083.146.337	28.627.713.277
13	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(5.571.179.769)	13.967.964.236
14	Tiền lãi vay đã trả		(21.774.765.183)	(13.896.790.331)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(41.207.299.939)	(85.947.035.209)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	27.2	(30.205.365.830)	(21.661.294.078)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>142.846.828.406</b>	<b>151.672.965.366</b>
	<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(141.071.576.327)	(82.883.527.151)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		291.269.584	869.671.861
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(2.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác		4.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(16.336.512.000)
27	Tiền thu lãi cho vay		2.088.360.575	2.241.755.628
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(136.191.946.168)</b>	<b>(96.108.611.662)</b>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B03-DN/HN

BAO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số		-	13.000.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.040.196.570.187 (950.460.552.554)	832.692.988.009 (826.774.675.493)
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(43.337.996.000)	(103.998.298.800)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.4		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		46.398.021.633	(85.079.986.284)
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		53.052.903.871	(29.515.632.580)
60	Tiền đầu năm		15.437.543.728	45.000.684.515
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(47.508.207)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	68.490.447.599	15.437.543.728

*cccccc*

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên



Tổng Giám đốc  
Phạm Văn Viện

Ngày 25 tháng 03 năm 2011

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 30 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
Đăng ký thay đổi lần thứ 2	15 tháng 06 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 3	17 tháng 12 năm 2007
Đăng ký thay đổi lần thứ 4	28 tháng 02 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 5	17 tháng 11 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ 6	10 tháng 05 năm 2010

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- ▶ Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- ▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ▶ Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- ▶ Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- ▶ Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- ▶ Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty có trụ sở chính tại số 2 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 714 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 747).

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam ("công ty con"). Công ty con được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 09 năm 2007. Hoạt động chính của công ty con là sản xuất và mua bán các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam:

Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con trong tương lai.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chứng từ.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa

- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

### Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi扣 trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM589763 cho lô đất C2 có diện tích là 38.096.2 m<sup>2</sup> tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 10 năm 2008 với thời hạn sử dụng là 50 năm đến ngày 14 tháng 5 năm 2056.

### 3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	05 – 08 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.8 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cố tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp sẽ được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

### 3.9 Đầu tư vào liên doanh

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cố tức được nhận từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được cấn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Công ty trong năm.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Chi phí lương phải trả người lao động

Chi phí lương phải trả người lao động của Công ty mẹ được trích và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty dựa theo tỷ lệ trên tổng doanh thu bán hàng được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng năm (tỷ lệ được phê duyệt năm 2010 là 6,6% và năm 2009 là 6,6%).

Chi phí lương phải trả người lao động của công ty con và các công ty liên doanh, liên kết khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên chi phí lương thực tế phát sinh theo các hợp đồng lao động đã ký kết.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liền ngan hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ** (tiếp theo)

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo CMKTVN 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
-----------	------------------------------	---------------------------------

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh số 30.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.17 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu gánh liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.17 Thuế (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bão dâm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VNĐ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	714.641.107	245.841.453	
Tiền gửi ngân hàng	27.775.806.492	15.191.702.275	
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.490.447.599</b>	<b>15.437.543.728</b>	

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 đến 3 tuần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và Ngân hàng Cổ phần Công Thương Việt Nam với lãi suất năm từ 3,5% đến 10,7%.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	1.943.651.522	-
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ người lao động	7.693.871.611	2.073.679.304
Phải thu khác	1.509.058.088	2.161.254.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.146.581.221</b>	<b>4.234.934.050</b>

## 6. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	67.866.727.500	13.896.208.000
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	224.240.599.870	159.711.865.731
Công cụ, dụng cụ	2.151.983.287	1.979.139.924
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	55.372.545.446	30.965.368.431
Thành phẩm	119.071.531.873	63.614.312.371
Hàng hóa	9.850.018.198	3.927.688.884
Hàng gửi bán	588.065.782	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>479.141.471.956</b>	<b>274.094.583.341</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	13.948.576.933	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	819.837.480	13.948.576.933
Trừ: Thanh lý trong năm	(1.054.608.907)	-
Hoàn nhập trong năm	(12.893.968.026)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	<b>819.837.480</b>	<b>13.948.576.933</b>

## 7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	-	513.099.219
Thuế nhập khẩu	4.230.394	158.928.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.230.394</b>	<b>672.027.291</b>

## 8. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	2.660.164.515	2.272.623.881
Đặt cọc mở thư tín dụng tại ngân hàng	3.472.157.087	6.334.018.854
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.132.321.602</b>	<b>8.606.642.735</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu năm	52.712.660.100	253.211.893.901	12.607.921.466	5.165.007.139	86.877.545	323.784.360.151
- Mua trong năm	-	13.460.402.758	3.263.321.201	1.281.484.341	-	18.005.208.300
- Đầu tư XDCB hoàn thành	38.298.061.918	49.488.827.527	5.397.080.375	-	-	93.183.969.820
- Tăng khác	-	694.256.653	-	-	-	694.256.653
- Thanh lý, nhượng bán	-	(924.828.357)	-	(125.389.079)	-	(1.050.217.436)
Số dư cuối năm	<u>91.010.722.018</u>	<u>315.930.552.482</u>	<u>21.268.323.042</u>	<u>6.321.102.401</u>	<u>86.877.545</u>	<u>434.617.577.488</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>						
Số dư đầu năm	14.500.706.521	162.623.891.695	4.366.366.010	3.581.167.694	12.396.826	185.084.528.746
- Khấu hao trong năm	4.425.496.073	31.155.945.740	1.623.709.250	853.220.590	17.375.509	38.075.747.162
- Thanh lý, nhượng bán	-	(561.869.361)	-	(122.774.321)	-	(684.643.682)
Số dư cuối năm	<u>18.926.202.594</u>	<u>193.217.968.074</u>	<u>5.990.075.260</u>	<u>4.311.613.963</u>	<u>29.772.335</u>	<u>222.475.632.226</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số dư đầu năm	<u>38.211.953.579</u>	<u>90.588.002.206</u>	<u>8.241.555.456</u>	<u>1.583.839.445</u>	<u>74.480.719</u>	<u>138.699.831.405</u>
Số dư cuối năm	<u>72.084.519.424</u>	<u>122.712.584.408</u>	<u>15.278.247.782</u>	<u>2.009.488.438</u>	<u>57.105.210</u>	<u>212.141.945.262</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	8.069.040.375	105.814.020.441	2.173.418.974	2.515.694.206	-	118.572.173.996
Tài sản sử dụng để thế chấp	7.534.632.270	53.632.824.875	-	-	-	61.167.457.145

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 40.028.334.078 đồng Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC và 02/HĐTC ngày 12 tháng 05 năm 2010 (xem Thuyết minh số 14).

Công ty con đã thế chấp dây chuyền máy móc để sản xuất ống nhựa PVC với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 21.139.123.067 đồng Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay bằng đô la Mỹ của công ty con tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Thắng Lợi theo các hợp đồng thế chấp số 19618/HĐTC-2009 ngày 19 tháng 8 năm 2009, số 19800/TĐTC-DSTL/TCB ngày 7 tháng 4 năm 2010 và số 19534/HĐTC-TSTL/2008 ngày 30 tháng 10 năm 2008 (xem Thuyết minh số 19).

Công ty đang thực hiện dự án di chuyển cơ sở sản xuất kinh doanh tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Trong năm 2010, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số hạng mục xây lắp và máy móc thiết bị có giá trị lần lượt là 38 tỷ đồng Việt Nam và 10 tỷ đồng Việt Nam. Việc đầu tư vào các hạng mục xây lắp nhà xưởng và máy móc thiết bị tiếp theo đang tiếp tục được tiến hành.

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã chấp thuận chủ trương cho Công ty thực hiện dự án xây dựng khu cao ốc văn phòng và chung cư cao tầng tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo các công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 và đề nghị các đơn vị liên quan đề xuất báo cáo dự án nói trên. Theo đó, diện tích đất thuê hiện tại (32.426,7 m<sup>2</sup>) có thể sẽ được trả lại cho UBND Thành phố Hải Phòng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng và Công ty có thể phải chấm dứt quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với nhà xưởng và các công trình liên quan trên diện tích đất thuê đã nêu tới địa điểm mới tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định này cũng có thể có ảnh hưởng đến việc xác định thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản là nhà cửa và vật kiến trúc trên diện tích đất thuê tại số 2, đường An Đà nêu trên. Do chưa có quyết định cụ thể của UBND Thành phố Hải Phòng về thời gian chính thức di dời nhà máy, Công ty chưa thể xác định lại thời gian sử dụng hữu ích còn lại của nhà cửa và vật kiến trúc và do đó, vẫn tiếp tục trích khấu hao các hạng mục tài sản này theo thời gian từ 5 năm đến 20 năm. Ban Giám đốc Công ty cũng tin tưởng rằng ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích còn lại của các tài sản trên, nếu có, là không đáng kể đối với các báo cáo tài chính hợp nhất.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Đơn vị tính: VNĐ	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	17.596.786.160	35.000.000	55.000.000	17.686.786.160	
- Mua trong năm	-	15.200.000	-	15.200.000	
Số dư cuối năm	<u>17.596.786.160</u>	<u>50.200.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>17.701.986.160</u>	
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Số dư đầu năm	366.599.735	16.527.778	18.333.333	401.460.846	
- Tăng trong năm	<u>382.538.830</u>	<u>14.523.704</u>	<u>18.333.333</u>	<u>415.395.867</u>	
Số dư cuối năm	<u>749.138.565</u>	<u>31.051.482</u>	<u>36.666.666</u>	<u>816.856.713</u>	
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	17.230. 186.42 5	18.4 72.2 22	36.6 66.6 67	17.285.3 25.314	
Số dư cuối năm	<u>16.847.647.595</u>	<u>19.148.518</u>	<u>18.333.334</u>	<u>16.885.129.447</u>	
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	<i>16.847.647.595</i>				<i>16.847.647.595</i>

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng lô đất số C2 của công ty con với diện tích là 38.096,2 m<sup>2</sup> tại xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với thời hạn sử dụng là 50 năm cho đến ngày 14 tháng 5 năm 2056 căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM589763 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Công ty con đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp số 18889/HĐTC-BDS/TCB ngày 7 tháng 1 năm 2010 (xem Thuyết minh số 14).

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VNĐ
Các hạng mục Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	127.627.884.671	76.291.864.375	
Mua sắm tài sản cố định	-	13.655.581.938	
Các hạng mục khác	-	8.507.496.804	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.627.884.671</u></b>	<b><u>98.454.943.117</u></b>	

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm các chi phí xây lắp và mua sắm máy móc thiết bị liên quan đến dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000042 cấp ngày 16 tháng 03 năm 2007 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt dự án này.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	6.695.788.501	5.538.125.064	
Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	14.660.344.766	16.336.512.000	
Đầu tư dài hạn khác			
- Đầu tư cổ phiếu	1.600.000.000	1.600.000.000	
- Đầu tư dài hạn khác		4.500.000.000	
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.956.133.267</b>	<b>27.974.637.064</b>	

### 12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập và hoạt động tại số 2 An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 7 năm 2004. Công ty liên kết này được thành lập sau quá trình cổ phần hóa Nhà máy Bao bì Vinapac (một đơn vị trực thuộc của Công ty) theo Quyết định số 235/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2003. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao xi-măng, bao giấy các loại, màng phức hợp và các sản phẩm nhựa khác. Công ty nắm 49,98% quyền biểu quyết trong công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Giá trị đầu tư:</i>
Số dư đầu năm	5.538.125.064	
Phản sở hữu trong lợi nhuận sau thuế trong năm	1.557.483.437	
Cổ tức được chia trong năm	(399.820.000)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.695.788.501</b>	

### 12.2 Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư số 032/I.B.VC do Ban Đầu tư Trong nước và Nước ngoài Thủ đô Viên-chăn của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng ống nhựa và các sản phẩm chất dẻo khác. Công ty nắm 51% quyền biểu quyết trong công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Giá trị khoản đầu tư vào liên doanh cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Giá trị đầu tư:</i>
Số dư đầu năm	16.336.512.000	
Tăng trong năm		
Lỗ từ công ty liên doanh trong năm	(1.676.167.234)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.660.344.766</b>	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng cho sản xuất	<u>16.613.087.963</u>	<u>11.400.084.436</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.613.087.963</u></b>	<b><u>11.400.084.436</u></b>

**14. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	335.946.508.907	240.712.864.961
- Vay bằng đồng Việt Nam	37.962.452.847	47.934.152.672
- Vay bằng đô la Mỹ	297.984.056.060	192.778.712.289
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 19)	4.625.115.024	3.818.881.212
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>340.571.623.931</u></b>	<b><u>244.531.746.173</u></b>

HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 4. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠNG (tiếp theo)

**Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Gốc vay theo nguyên tệ	Năm hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền	250.910.773.980	13.253.263 đô la Mỹ	Các khoản vay sẽ đáo hạn từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2011. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	6,5%/năm	30 tỷ VNĐ trong các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất nằm trên diện tích đất thuê 32.426 m <sup>2</sup> tại số 2 đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê chấp số 01/HĐTC và 02/HĐTC ngày 12 tháng 05 năm 2010; phần còn lại (220 tỷ VNĐ) là vay tín chấp.
Ngân hàng Hồng Kông Thương Hải (HSBC) – USD	15.353.852.000	811.000 đô la Mỹ	Gốc và lãi vay đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2011.	15,85%/năm	Tín chấp.
Ngân hàng Hồng Kông Thương Hải (HSBC) – VNĐ	1.560.000.000	-	Gốc và lãi vay đáo hạn ngày 25 tháng 1 năm 2011	5,055%/năm	Tín chấp.
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ	31.719.430.080	3.898.440 đô la Mỹ	Tiền gốc và lãi sẽ được trả một lần khi đáo hạn vào tháng 7 và tháng 8 năm 2011.	4,8 - 5,1%/năm	Đảm bảo bằng tất cả các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng, bao gồm cả các tài khoản tiền gửi vào ngày và sau ngày ký thỏa thuận thế chấp.
Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	11.295.640.168	74.539.531.707 VNĐ	Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng	10,32% - 15% / năm	Đảm bảo bằng giá trị hàng hóa mua bằng khoản vay và quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Tín Mỹ và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Bình Minh tại lô C2, Hòa Lợi, Bến Cát, Bình Dương với giá trị tài sản đảm bảo là 25.141.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	24.500.636.679	40.642.284.627 VNĐ	Lãi vay được thanh toán vào ngày 20 hàng tháng	13,5% - 17,5% /năm	Đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho luân chuyển là nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa của công ty con tại Khu công nghiệp Đồng An II, xã Hòa Lợi, Bến Cát, Bình Dương với giá trị tài sản đảm bảo là 12.000.000.000 VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Dương	606.176.000	606.176.000 VNĐ	Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày nhận nợ	10%	Đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại lô C2, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 43.561.000.000 VNĐ
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>335.946.508.907</u></b>				

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	5.374.718.988
Thuế xuất, nhập khẩu	2.026.575.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	7.865.054.486
Thuế thu nhập cá nhân	13.208.192
Các loại thuế khác	1.843.439.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.501.112.234</b>
	<b>17.122.997.281</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Thưởng khuyến mại	39.355.001.569
Phải trả các nhà thầu	1.852.261.000
Phải trả chi phí vận chuyển	-
Trích trước lương tháng mười ba	-
Chi phí phải trả khác	1.019.542.053
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.226.804.622</b>
	<b>38.751.232.050</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	-
Bảo hiểm y tế	27.200.035
Bảo hiểm thất nghiệp	-
Kinh phí công đoàn	1.133.979.804
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.749.928.428
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	3.394.817.800
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.032.457.033
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.338.383.100</b>
	<b>12.565.993.590</b>

Các khoản vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên được thực hiện dưới hình thức tín chấp và có lãi suất năm từ 9,6% đến 12% và nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	1.681.387.493	1.886.717.495
Trích lập trong năm	27.286.135.885	9.007.347.000
Sử dụng trong năm	<u>(26.219.325.830)</u>	<u>(9.212.677.002)</u>
Số dư cuối năm	<u>2.748.197.548</u>	<u>1.681.387.493</u>

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay dài hạn ngân hàng	11.057.935.168	12.250.943.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.057.935.168</u></b>	<b><u>12.250.943.446</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	4.625.115.024	3.818.881.212
Vay dài hạn	6.432.820.144	8.432.062.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**Các khoản vay ngắn hạn dài hạn**

Bên cho vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ	Giá trị theo nguyên tệ Đô la Mỹ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Khoản vay VNĐ theo Hợp đồng tín dụng số 19618	5.370.000.000		Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 18/7/2009	Điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiếp kiêm thường 12 tháng (trả lãi sau) của Techcombank tại thời diểm điều chỉnh cộng biên độ 0,46%/tháng	Đảm bảo bằng lô hàng dây chuyền thiết bị dàn máy đùn ống nhựa HDPE Talos 90 theo hợp đồng số B+C-TIFO/01-09 ngày 12/10/2009 với trị giá 702.087 USD
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	2.148.000.000				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Khoản vay VNĐ theo Hợp đồng tín dụng số 19800	784.000.000		Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 18/5/2010	Điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiếp kiêm thường 12 tháng (trả lãi sau) của Techcombank tại thời diểm điều chỉnh cộng biên độ 6%/năm	Đảm bảo bằng lô máy nén khí hai trục vít theo hợp đồng số TW9901 với tổng giá trị 1.348.967.000 VNĐ
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	240.000.000				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Khoản vay VNĐ theo Hợp đồng tín dụng số 19806	508.235.000		Trả vào ngày 18 hàng tháng với số tiền 12.395.000 VNĐ. Tiền lãi được trả vào ngày 18 hàng tháng	Điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiếp kiêm thường 12 tháng (trả lãi sau) của Techcombank tại thời diểm điều chỉnh cộng biên độ 2,8%/năm	Đảm bảo bằng 2 máy nong ống SGK63S và SGK250 theo hợp đồng số DS10-VN105106 ngày 5/2/2010 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 850.034.000 VNĐ
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	148.740.000				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Khoản vay VNĐ theo Hợp đồng tín dụng số 19828	1.164.500.000		Gốc được trả vào ngày 19 hàng tháng với số tiền 27.100.000 VNĐ. Tiền lãi được trả vào ngày 19 hàng tháng	Điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiếp kiêm thường 12 tháng (trả lãi sau) của Techcombank tại thời diểm điều chỉnh cộng biên độ 2,8%/năm	Đảm bảo bằng dây chuyền đùn ống PVC 20-63mm, gồm 1 máy đùn ống PVC21-60mm SJZ65/132 và 1 máy dán ống PVC KRSJ theo hợp đồng số KR-20100223 ngày 23/2/2010 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 1.887.080.000 VNĐ
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	325.200.000				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Khoản vay USD	3.231.200.168	372.460	Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ ngày 2/12/2008	Điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiếp kiêm USD 12 tháng cộng với biên độ tối thiểu do Techcombank ban hành từng thời kỳ	Đảm bảo bằng lô máy móc để sản xuất ống nhựa PVC theo hợp đồng ngoại số PI292-07C ngày 3/4/2008, 08051901TP-AT ngày 14/6/2008, DS20080826 ngày 26/8/2008 với tổng giá trị 613.422 USD
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	1.763.175.024				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.057.935.168</b>				
Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả	4.625.115.024				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn góp</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng vốn chủ sở hữu</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<b>Năm trước</b>							
Số dư đầu năm	216.689.980.000	(1.007.520.558)	37.632.151.323	1.690.281.195	96.184.590.187	351.189.482.147	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	306.593.471.786	306.593.471.786	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	46.322.283.276	7.720.380.546	(54.042.663.822)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(103.998.298.800)	(103.998.298.800)	
- Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(4.499.700.000)	(4.499.700.000)	
- Tăng khác	-	230.258.228	-	-	1.714.422.092	1.944.680.320	
Số dư cuối năm	<u>216.689.980.000</u>	<u>(777.262.330)</u>	<u>83.954.434.599</u>	<u>9.410.661.741</u>	<u>232.951.821.443</u>	<u>542.229.635.453</u>	
<b>Năm nay</b>							
Số dư đầu năm	216.689.980.000	(777.262.330)	83.954.434.599	9.410.661.741	232.951.821.443	542.229.635.453	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	312.442.100.949	312.442.100.949	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính	-	-	91.184.896.652	15.197.482.775	(106.382.379.427)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(27.276.475.885)	(27.276.475.885)	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(43.337.996.000)	(43.337.996.000)	
- Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.995.700.000)	(3.995.700.000)	
- Tăng khác	-	777.262.330	-	-	(139.681.403)	637.580.927	
Số dư cuối năm	<u>216.689.980.000</u>	<u>-</u>	<u>175.139.331.251</u>	<u>24.608.144.516</u>	<u>364.261.689.677</u>	<u>780.699.145.444</u>	

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ		
Tỷ lệ trên lợi nhuận sau thuế năm 2009	Số tiền	
Trích quỹ đầu tư phát triển	30.00%	91.184.896.652
Trích quỹ dự phòng tài chính	5.00%	15.197.482.775
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.276.457.885
Chi trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông bằng tiền đợt 1 và đợt 2	30.00%	65.006.994.000
Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	0.65%	1.975.672.760
Thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc 2% trên số lợi nhuận vượt kế hoạch		<u>2.898.993.110</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>197.540.497.182</u></b>

Công ty đã tạm chi trả toàn bộ cổ tức của năm 2009 cho các cổ đông và một phần tiền thường và thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2009. Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 và chi trả phần tiền thường và thù lao còn lại cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 với mức chi trả bằng 20% vốn góp (1 cổ phần được nhận 2.000 đồng Việt Nam). Theo đó, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức đợt 1 cho năm 2010 với tổng số tiền là 43.337.996.000 đồng Việt Nam căn cứ theo Quyết định số 61/QĐ-HĐQT được ban hành bởi Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 9 năm 2010.

Trong năm 2010, Công ty cũng đã tạm trích bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi với tổng số tiền là 6 tỷ đồng Việt Nam căn cứ theo Quyết định số 78/QĐ-HĐQT do Hội đồng Quản trị của Công ty ban hành ngày 1 tháng 12 năm 2010. Mức trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế từ lợi nhuận của năm 2010 sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt trong năm 2011.

### 20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm			Đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	21.668.998	21.668.998	-	21.668.998	21.668.998	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.668.998</b>	<b>21.668.998</b>	<b>-</b>	<b>21.668.998</b>	<b>21.668.998</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	216.689.980.000	216.689.980.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>216.689.980.000</b>	<b>216.689.980.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>65.006.994.000</b>

### 20.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm kế toán</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>103.998.298.800</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	43.337.996.000	103.998.298.800
Cổ tức cho năm 2008: 1.800 VNĐ/cổ phiếu		38.991.304.800
Cổ tức cho năm 2009: 3.000 VNĐ/cổ phiếu	-	65.006.994.000
Cổ tức cho năm 2010: 2.000 VNĐ/cổ phiếu	43.337.996.000	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức đã trả trong năm kế toán</b>	<b>43.337.996.000</b>	<b>103.998.298.800</b>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	43.337.996.000	103.998.298.800
Cổ tức đợt 2 cho năm 2008	-	38.991.304.800
Tạm chia cổ tức đợt 1 và đợt 2 cho năm 2009	-	65.006.994.000
Tạm chia cổ tức đợt 1 cho năm 2010	43.337.996.000	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

### 20.5 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
Cổ phiếu phổ thông	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.668.998	216.689.980.000	21.668.998	216.689.980.000
Cổ phiếu phổ thông	<b>21.668.998</b>	<b>216.689.980.000</b>	<b>21.668.998</b>	<b>216.689.980.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.668.998</b>	<b>216.689.980.000</b>	<b>21.668.998</b>	<b>216.689.980.000</b>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2009: 10.000 đồng Việt Nam)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm
	Số đầu năm
Quỹ đầu tư và phát triển	175.139.331.251
Quỹ dự phòng tài chính	24.608.144.516
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>199.747.475.767</b>
	<b>83.954.434.599</b>
	9.410.661.741
	(777.262.330)
	<b>92.587.834.010</b>

**21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ**

	Đơn vị tính: VND
	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam
<i>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
Vốn điều lệ đã góp	49.000.000.000
Lỗ lũy kế	(4.443.403.888)
	<b>44.556.596.112</b>
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	
Phần lỗ được chia trong năm	(2.582.681.150)
	<b>(2.582.681.150)</b>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng**

	Đơn vị tính: VND
	Năm nay
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.008.528.085.987</b>
<i>Trong đó:</i>	
Doanh thu bán hàng	2.008.528.085.987
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(6.713.193.878)</b>
Chiết khấu thương mại	(5.090.841)
Hàng bán bị trả lại	(5.888.153.077)
Giảm giá hàng bán	(819.949.960)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.001.814.892.109</b>
<i>Trong đó:</i>	
Doanh thu thuần bán hàng	2.001.814.892.109
	<b>1.546.899.935.124</b>
	1.546.899.935.124

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.088.360.575	2.241.755.628	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.954.268.631	1.231.407.698	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.934.743.970	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.042.629.206</b>	<b>8.407.907.296</b>	

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.338.548.589.395	975.608.222.339	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập trong năm	819.837.480	13.948.576.933	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được sử dụng trong năm	(1.054.608.907)		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập trong năm	(12.893.968.026)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.325.419.849.942</b>	<b>989.556.799.272</b>	

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	21.774.765.183	13.708.429.895	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.234.100.799	9.074.072.158	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.424.017.758	3.029.260.729	
Chiết khấu thanh toán	711.420.064	-	
Chi phí tài chính khác	807.586.613	55.011.030	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.951.890.417</b>	<b>25.866.773.812</b>	

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý tài sản	291.269.584	129.309.091
Thu nhập khác	1.065.803.971	980.842.803
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	365.573.754	270.522
Chi phí khác	1.151.944.060	1.301.824.833
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>(160.444.259)</b>	<b>(191.943.461)</b>

## 26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.839.714.886.702	1.358.317.205.831
Chi phí nhân công	134.932.688.099	103.652.900.591
Chi phí khấu hao và khấu trừ	38.184.878.620	33.503.005.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.963.431.076	43.507.520.521
Chi phí chương trình khuyến mãi cho nhà phân phối	104.307.794.554	81.356.107.574
Chi phí khác	132.018.700.125	72.421.866.299
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.314.122.379.176</b>	<b>1.692.758.606.370</b>

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty con là 15% lợi nhuận chịu thuế tính từ ngày bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và 25% lợi nhuận chịu thuế cho các năm tiếp theo. Công ty con được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. THUÉ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.890.880.193	45.670.269.361
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(10.286.438.478)</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.604.441.715</b>	<b>45.670.269.361</b>

### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thué TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thué TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kê toán năm.

Công ty bắt đầu chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 30 tháng 12 năm 2004. Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty được miễn thuế TNDN trong hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005 và 2006) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong ba năm tiếp theo (năm 2007, 2008 và 2009).

Bên cạnh đó, Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong vòng 3 năm tính từ ngày cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (ngày 11 tháng 12 năm 2006), tức là các năm 2007, 2008 và 2009. Như vậy, Công ty đã áp dụng mức thuế ưu đãi miễn giảm là 100% trong việc kê khai, quyết toán thuế cho các năm 2007 và 2008.

Theo Biên bản thanh tra thuế cho năm 2007 và 2008 để ngày 13 tháng 5 năm 2009, đoàn thanh tra của Cục thuế Thành phố Hải Phòng kết luận thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho Công ty trong các năm 2007 và 2008 chỉ là 50% và Công ty đã kê khai và nộp thiếu thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 với số tiền là 39.240.897.736 đồng Việt Nam. Đoàn thanh tra cũng kết luận số tiền phạt nộp chậm thuế và kê khai sai thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 là 7.909.830.287 đồng Việt Nam. Công ty đã nộp số thuế TNDN và khoản phạt thuế nêu trên cho Cục thuế Thành phố Hải Phòng trong năm 2009, và ghi nhận khoản tiền này như một khoản giảm trừ lợi nhuận giữ lại của năm 2008. Đồng thời, Công ty đã làm công văn để xin hướng dẫn của Tổng Cục Thuế về vấn đề đã nêu.

Theo Công văn 2380/TCT-PC để ngày 5 tháng 7 năm 2010 do Tổng Cục Thuế gửi cho Công ty, Tổng Cục Thuế đã chấp thuận để Công ty được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là miễn 100% cho các năm 2007 và 2008. Theo đó, Cục thuế Thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 2018/QĐ-CT ngày 9 tháng 9 năm 2010 để hoàn lại số thuế 39.240.897.736 đồng Việt Nam bằng tiền cho Công ty. Căn cứ theo các văn bản nêu trên, Công ty đã ghi nhận khoản thuế đã nộp bổ sung cho các năm 2007 và 2008 (39.240.897.736 đồng Việt Nam) như một khoản giảm trừ chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính. Tính đến thời điểm lập các báo cáo này, Công ty chưa nhận được phản hồi từ Cục thuế thành phố Hải Phòng liên quan đến số tiền phạt thuế TNDN cho các năm 2007 và 2008 (7.909.830.287 đồng Việt Nam).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**27.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>363.463.861.514</b>	<b>351.333.197.625</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>49.463.070.202</b>	<b>8.566.130.449</b>
Lỗ trước thuế của công ty con	2.073.175.730	1.704.635.965
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất không chịu thuế	980.066.884	(277.983.659)
Các khoản phạt	132.581.927	-
Khấu hao vượt mức của cơ quan thuế	914.741.587	-
Thay đổi trong dự phòng phải thu khó đòi vượt hạn mức của thuế	1.010.929.740	-
Thay đổi trong dự phòng trợ cấp thôi việc	9.396.084.772	-
Chi phí khuyến mại trích trước trên doanh thu	31.749.669.138	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của các khoản mục ngoài các khoản phải trả	2.415.349.824	3.199.041.750
Chi phí không trực tiếp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	790.470.600	3.940.436.393
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(399.820.000)</b>	<b>(3.139.925.064)</b>
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(399.820.000)	(3.139.925.064)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế</b>	<b>412.527.111.716</b>	<b>356.759.403.010</b>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>412.527.111.716</b>	<b>356.759.403.010</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	103.131.777.929	89.189.850.753
Thuế TNDN được giảm 50%	-	(43.519.581.392)
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành theo Công văn 2380/TCT-PC ban hành bởi Tổng Cục Thuế ngày 5 tháng 7 năm 2010	(39.240.897.736)	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành sau điều chỉnh chi phí thuế</b>	<b>63.890.880.193</b>	<b>45.670.269.361</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>7.865.054.486</b>	<b>48.141.820.334</b>
Thuế TNDN đã trả trong năm	(41.207.299.939)	(85.947.035.209)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>30.548.634.740</b>	<b>7.865.054.486</b>

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 27.3 Thuế TNDN hoãn lại

	Đơn vị tính: VNĐ		
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.349.021.193	-	2.349.021.193
Chi phí khuyến mại trích trước	<u>7.937.417.285</u>	-	7.937.417.285
	<b><u>10.286.438.478</u></b>	-	-
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			
			<b><u>10.286.438.478</u></b>

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ	Giá trị
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng Cho vay Cổ tức được chia	2.317.219.012 2.000.000.000 399.820.000	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	411.091.756.692	
Công ty TNHH Nhựa Tiền Phong - SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng	1.558.392.767	
Công ty TNHH Nhựa Tín Mỹ	Cổ đông sáng lập của công ty con	Mua hàng Tạm ứng tiền mua cổ phần	1.293.090.909 3.000.000.000	
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Tân Hoàng Minh	Cổ đông sáng lập của công ty con	Tạm ứng tiền mua cổ phần	1.000.000.000	
Công ty TNHH New Gold Sun	Cổ đông sáng lập của công ty con	Tạm ứng tiền mua cổ phần	2.000.000.000	

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường có trừ đi chiết khấu theo tỷ lệ quy định bởi Công ty. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm kết thúc năm tài chính không cần bù đắp, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 2.239.196.568 đồng Việt Nam cho khoản phải thu từ Công ty TNHH Hương Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: mức dự phòng là 0 đồng Việt Nam). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<b><i>Phải thu từ các bên liên quan</i></b>			
Công ty TNHH Nhựa Tiền Phong - SMP	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	Bán hàng	2.777.736.359
Công ty cổ phần Bảo bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Cho vay	2.000.000.000
Công ty TNHH Hương Minh	Chung thành viên Hội đồng Quản trị	Bán hàng	4.478.393.135
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	<span style="border-bottom: 1px solid black; padding-bottom: 2px;">73.735.802.558</span> <span style="border-bottom: 3px double black; padding-bottom: 2px;"><b>82.991.932.052</b></span>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>			
Công ty cổ phần Bảo bì Tiền Phong	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(237.970.975)
Công ty TNHH Nhựa Tín Mỹ	Cổ đông sáng lập của công ty con	Tạm ứng tiền mua cổ phần	(3.000.000.000)
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Tân Hoàng Minh	Cổ đông sáng lập của công ty con	Tạm ứng tiền mua cổ phần	(1.000.000.000)
Công ty TNHH New Gold Sun	Cổ đông sáng lập của công ty con	Tạm ứng tiền mua cổ phần	<span style="border-bottom: 1px solid black; padding-bottom: 2px;">(2.000.000.000)</span> <span style="border-bottom: 3px double black; padding-bottom: 2px;"><b>(6.237.970.975)</b></span>

### Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	<i>Năm nay</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Năm trước</i>	
Lương và thưởng	8.449.676.056	3.500.691.318
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.449.676.056</b>	<b>3.500.691.318</b>

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>	
	<i>Năm nay</i>	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	312.442.100.949	306.593.471.786
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quý) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.668.998	21.668.998
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường (*)	<u>21.668.998</u>	<u>21.668.998</u>
<b>Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quý) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>43.337.996</u></b>	<b><u>43.337.996</u></b>
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>7.209</b>	<b>7.074</b>

- (\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 4 tháng 1 năm 2011, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 và 2010 với tỷ lệ phát hành là 1:1 cho các cổ đông hiện hữu như được trình bày trong Thuyết minh số 33. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được xác định lại sau đợt phát hành cổ phiếu thường này là 43.337.996 cổ phiếu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm 2009 và 2010 đã được tính và điều chỉnh căn cứ theo kết quả phát hành cổ phiếu thường nêu trên.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. ẢNH HƯỚNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.14, trong năm 2010, Công ty đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo CMKTVN số 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201. Ảnh hưởng như sau:

				Đơn vị tính: VNĐ
	CMKTVN số 10	Thông tư 201	Chênh lệch	
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Chênh lệch tỉ giá hối đoái		- (4.424.017.758)	4.424.017.758	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	309.859.419.799	314.283.437.557	(4.424.017.758)	
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				
Lãi chênh lệch tỷ giá		1.905.483.241	(1.905.483.241)	
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Lỗ)/lãi chênh lệch tỷ giá thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	(4.424.017.758)		-	(4.424.017.758)
	(4.424.017.758)	1.905.483.241	(6.329.500.999)	

## 31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

### Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			Đơn vị tính: VNĐ
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu phải ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tiếp theo	1.988.000.000	920.730.000	

Khoản cam kết thuê hoạt động trên bao gồm cam kết thuê diện tích đất 32.426,7 m<sup>2</sup> tại số 2, đường An Đà, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê đất được ký giữa UBND Thành phố Hải Phòng và Công ty khi còn là doanh nghiệp nhà nước, với phí thuê đất hàng năm là 1.200.000 đồng Việt Nam và cam kết thuê kho theo các hợp đồng ký với Công ty Cổ phần Bảo bì Tiền Phong và Công ty Cổ phần Giao nhận Ngoại thương Hải Phòng, với phí thuê kho hàng năm lần lượt là khoảng 138.000.000 đồng Việt Nam và 600.000.000 đồng Việt Nam. Các hợp đồng này không quy định thời hạn thuê cụ thể.

### Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký kết một số hợp đồng xây dựng liên quan Dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ chất dẻo" tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng với tổng trị giá cam kết còn chưa thực hiện là 13.217.771.994 đồng Việt Nam.

# Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của năm như sau:

	Đơn vị tính: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2009 (đã được trình bày trước đây)	Ngày 31 tháng 12 năm 2009 (được trình bày lại)
Phải thu khách hàng	334.529.226.403
Phải thu từ các bên liên quan	-
Vay và nợ ngắn hạn	249.100.676.726
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.769.452.547
	(62.324.880.810)
	62.324.880.810
	(4.568.930.553)
	244.531.746.173
	4.568.930.553
	10.338.383.100

Ngoài ra, Công ty đã phân loại lại số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 1.681.387.493 đồng Việt Nam từ Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu sang khoản mục Nợ ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 - Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông ngày 4 tháng 1 năm 2011, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 và 2010 với tỷ lệ phát hành là 1:1 cho các cổ đông hiện hữu. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã hoàn thành việc phát hành số cổ phiếu thường nói trên và đã đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thường.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có điều chỉnh hoặc thay đổi minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

*██████████*

Kế toán trưởng  
Nguyễn Trung Kiên

Ngày 25 tháng 03 năm 2011



